



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

เขา
kǎo

คุณ
kun

ผม/ฉัน
pǎm/chǎn

เรา
rao

มัน
man

เธอ
təo

อะไร
à rai

พวกเขา
pûak kǎo

พวกคุณ
pûak kun

ทำไม
tam mai

ที่ไหน
tîi nǎi

ใคร
krai

เมื่อ
mǎi

อันไหน
an nǎi

อย่างไร
yàng rai

จริง
jing

ถ้า
tâa

ต่อจากนั้น
dtòv jàak nán

ไม่
mâi

เพราะว่า
pró wâa

แต่
dtèe

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

นี่ราคาเท่าไร
nîi raakaa tào rài

ฉันต้องการสิ่งนี้
chǎn dtǔwng gaan sìng nîi

นี่
nîi

หรือ
rǎi

ทั้งหมด
táng mót

นั่น
nǎn

ฉันรู้
chǎn rúu

รู้
rúu

และ
lǎe

มา
maa

คิด
kít

ฉันไม่รู้
chǎn mǎi rúu

ค้นหา
kón hǎa

เอา
ao

วาง
waang

พูดคุย
pút kui

ทำงาน
tam ngaan

ฟัง
fang

ช่วยเหลือ
chúai lǎe

ชอบ
chǔwp

ให้
hái

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

รอ
rɔɔ

โทร
too

รัก
rák

คุณรักฉันไหม
kun rák chǎn mǎi

ฉันไม่ชอบสิ่งนี้
chǎn mâi chǎwáp sǐng níi

ฉันชอบคุณ
chǎn chǎwáp kun

หนึ่ง
nèng

ศูนย์
sǔn

ฉันรักคุณ
chǎn rák kun

สี่
sìi

สาม
sǎam

สอง
sǔwǎng

เจ็ด
jèt

หก
hòk

ห้า
hǎa

สิบ
sìp

เก้า
gǎao

แปด
bpèet

สิบสาม
sìp sǎam

สิบสอง
sìp sǔwǎng

สิบเจ็ด
sìp èt

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

สิบหก
sìp hòk

สิบห้า
sìp hâa

สิบสี่
sìp sìi

สิบเก้า
sìp gâao

สิบแปด
sìp bpèet

สิบเจ็ด
sìp jèt

เก้า
gào

ใหม่
mài

ยี่สิบ
yìi sìp

เท่าไร
tào rài

มาก
mâak

น้อย
nóoi

ถูกต้อง
tùuk dtǔng

ผิด
pìt

ก็อัน
gìi an

มีความสุข
mii kwaam sùk

ดี
dii

แย่
yǎe

เล็ก
lék

ยาว
yaa

สั้น
sân

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

ที่นี่
tîi nîi

ที่นั่น
tîi nân

ใหญ่
yài

สวย
sǔai

ซ้าย
sǎai

ขวา
kwǎa

สวัสดิ์
sà wàt dii

แก่
gǎe

หนุ่ม
nǔm

ดูแลตัวเองนะ
duu lǎe dtua eeng ná

ตกลง
dtòk long

แล้วเจอกัน
lǎeo jǎo gan

สวัสดิ์
sà wàt dii

แน่นอน
nǎe nǎw

อย่ากังวล
à yǎa gang won

ลาก่อน
laa gǔwǎn

ไปก่อนนะ
bpai gǔwǎn ná

หวัดี
wàt dii

ขอบคุณ
kǔwǎp kun

ขอโทษ
kǔwǎ tǎot

ขอภัย
kǔwǎ à pai

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

ตอนนี้
dtawn níi

ฉันต้องการสิ่งนี้
chǎn dtǔwng gaan sǐng níi

กรุณา
gà rú naa

กลางคืน
glaang kʰen

ตอนเช้า
dtawn cháao

ตอนบ่าย
dtawn bàai

เที่ยงวัน
tǐang wan

ตอนเย็น
dtawn yen

เช้า
cháao

นาฬิกา
naa tii

ชั่วโมง
chúua moong

เที่ยงคืน
tǐang kʰen

สัปดาห์
sàp daa

วัน
wan

วินาที
wí naa tii

เวลา
wee laa

ปี
bpíi

เดือน
dʰuan

เมื่อวาน
mʰáa waan

เมื่อวานขึ้น
mʰáa waan sʰen

วันที่
wan tii

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

วันมะรืน
wan má rɯɯn

พรุ่งนี้
prúŋ níi

วันนี้
wan níi

วันพุธ
wan pút

วันอังคาร
wan ang kaan

วันจันทร์
wan jan

วันเสาร์
wan sǎo

วันศุกร์
wan sùk

วันพฤหัสบดี
wan prǎ hət sà bɔɔ dii

ชีวิต
chii wít

พรุ่งนี้เป็นวันเสาร์
prúŋ níi bpen wan sǎo

วันอาทิตย์
wan aa tít

ความรัก
kwaam rák

ผู้ชาย
pǔu chaai

ผู้หญิง
pǔu ying

เพื่อน
pʰuən

แฟนสาว
fɛɛn sǎao

แฟนหนุ่ม
fɛɛn nùm

เด็ก
dèk

เพศสัมพันธ์
pʰɛet sǎm pan

จูบ
jùup

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

เด็กผู้ชาย
dèk pǔu chaai

เด็กผู้หญิง
dèk pǔu yǐng

ทารก
taa rók

แม่
mǎe

พ่อ
pǎo

แม่
mǎe

ลูกชาย
lúuk chaai

พ่อแม่
pǎo mǎe

พ่อ
pǎo

น้องชาย
nóng chaai

น้องสาว
nóng sǎao

ลูกสาว
lúuk sǎao

ยี่น
yǐn

พี่ชาย
pīi chaai

พี่สาว
pīi sǎao

ปิด
bpìt

นอน
nawn

นั่ง
nǎng

ชนะ
chá ná

แพ้
pǎe

เปิด
bpòet

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

เปิด

bpəət

มีชีวิต

mii chii wít

ตาย

dtaaí

ทำให้บาดเจ็บ
tam hâi bàat jèp

ฆ่า

kâa

ปิด

bpít

ดื่ม

dùem

ดู

duu

สัมผัส

sǎm pàt

พบ

póp

เดิน

dəən

กิน

gin

ติดตาม

dtít dtaam

จับ

jùup

เติมพัน

dəəm pan

ถาม

tǎam

ตอบ

dtə̀əp

แต่งงาน

dtə̀eng ngaan

ธุรกิจ

tú rá git

บริษัท

bəw rí sàt

คำถาม

kam tǎam

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

โทรศัพท์
too rá sàp

เงิน
ngon

งาน
ngaan

โรงพยาบาล
roong pá yaa baan

นายแพทย์
naai pĕet

สำนักงาน
sǎm nák ngaan

ประธานาธิบดี
bprà taa naa típ bvv dii

ตำรวจ
dtam rùat

นางพยาบาล
naang pá yaa baan

สีแดง
sǐi deeng

สีดำ
sǐi dam

สีขาว
sǐi kǎao

สีเหลือง
sǐi lĕang

สีเขียว
sǐi kǎao

สีน้ำเงิน
sǐi nám ngon

ตกลง
dtà lòk

เร็ว
reo

ช้า
cháa

ยาก
yâak

ยุติธรรม
yút dtì tam

ไม่ยุติธรรม
mâi yút dtì tam

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

รวย
ruai

นี่เป็นเรื่องยาก
nîi bpen rêng yâak

ง่าย
ngâai

อ่อนแอ
อ่อน เอ
wôn aē

แข็งแรง
kěng rēeng

ยากจน
yâak jon

ภูมิใจ
puum jai

เหนื่อย
nèai

ปลอดภัย
bplòt pai

สุขภาพดี
sùk kà pâap dii

ป่วย
bpùai

อิม
ìm

สูง
sǔung

ต่ำ
dtàm

โกรธ
gròt

เสมอ
sà mǎo

ทุก
túk

ตรง
dtrong

แล้ว
lěeo

อีกครั้ง
lìk kráng

แท้จริงแล้ว
těe jing lěeo

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

มากกว่า
mâak gwàa

มากที่สุด
mâak tîi sùt

น้อยกว่า
nǎwǎi gwàa

มาก
mâak

ไม่มี
mâi mii

ฉันอยากได้อีก
chǎn à yâak dâi iik

ว้าว
wua

หมี
mǎi

สัตว์
sàt

แกะ
gè

สุนัข
sù nák

ม้า
máa

หมี
mǎi

แมว
mæeo

ลิง
ling

ผีเสื้อ
pǐi sǎa

เปิด
bpèt

ไก่
gài

แมงมุม
mæeng mum

ปลา
bplaa

ผึ้ง
pûng

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

ด้านใน
dâan nai

ด้านนอก
dâan nǎk

งู
ngu

ด้านล่าง
dâan lǎang

ไถ่
glai

ไถ่
glai

ด้านหน้า
dâan nǎa

ด้านข้าง
dâan khang

ด้านบน
dâan bon

เปรี้ยว
bpriao

หวาน
wǎan

ด้านหลัง
dâan lǎng

แข็ง
kǎng

อ่อน
wǎn

แปลก
bplǎek

บ้า
bǎa

โง่
ngoo

น่ารัก
nǎa rák

เตี้ย
dtǐa

สูง
sǔung

ยุ่ง
yung

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

เจ้ง
jěng

ประหลาดใจ
bprà làat jai

วิตกกังวล
wí dtòk gang won

ฉลาด
chà làat

ชั่วร้าย
chûa ráai

สุภาพ
sù pâap

ศิโรษะ
sǐ sà

ร้อน
równg

หนาว
nǎao

ปาก
bpàak

ผม
pǒm

จมูก
jà mǔuk

มือ
mǔu

ดวงตา
duang dtaa

หู
hǔu

สมอง
sà mǔwng

หัวใจ
hǔa jai

เท้า
táao

กด
gòt

ผลัก
plàk

ดึง
dǔng

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

ต่อสู้
dtòu sùu

จับ
jàp

ดี
dtii

อ่าน
àan

วิ่ง
wíng

ขว้าง
kwâang

นับ
náp

แก้ไข
gêe kǎi

เขียน
kĭan

ซื้อ
sùu

ขาย
kǎai

ตัด
dtàt

ฝน
fǎn

เรียน
rian

จ่าย
jàai

ฉลอง
chà lǎwng

เล่น
lén

นอน
nawng

ทำความสะอาด
tam kwaam sà àat

เพลิดเพลิน
plǎot pləon

พักผ่อน
pák pǎwn

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

ประตู
bprà dtuu

บ้าน
bâan

โรงเรียน
roong rian

งานแต่งงาน
ngaan dtèng ngaan

ภรรยา
pan rá yaa

สามี
sǎa mii

บ้าน
bâan

รถยนต์
rót yon

บุคคล
bùk kon

ยี่สิบเอ็ด
yíi sîp èt

ตัวเลข
dtua lêek

เมือง
mhang

สามสิบ
sǎam sîp

ยี่สิบหก
yíi sîp hòk

ยี่สิบสอง
yíi sîp sǎwng

สามสิบเจ็ด
sǎam sîp jèt

สามสิบสาม
sǎam sîp sǎam

สามสิบเอ็ด
sǎam sîp èt

สี่สิบสี่
sìi sîp sìi

สี่สิบเอ็ด
sìi sîp èt

สี่สิบ
sìi sîp

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

ห้ำสืบเอ็ด
hăa sîp èt

ห้ำสืบ
hăa sîp

สืสืบแปด
sîi sîp bpèet

หกสืบ
hòk sîp

ห้ำสืบเก้า
hăa sîp gâo

ห้ำสืบห้ำ
hăa sîp hăa

หกสืบหก
hòk sîp hòk

หกสืบสอง
hòk sîp sǎwng

หกสืบเอ็ด
hòk sîp èt

เจ็ดสืบสาม
jèt sîp sǎam

เจ็ดสืบเอ็ด
jèt sîp èt

เจ็ดสืบ
jèt sîp

แปดสืบเอ็ด
bpèet sîp èt

แปดสืบ
bpèet sîp

เจ็ดสืบเจ็ด
jèt sîp jèt

เก้าสืบ
gâao sîp

แปดสืบแปด
bpèet sîp bpèet

แปดสืบสี่
bpèet sîp sîi

เก้าสืบเก้า
gâo sîp gâo

เก้าสืบห้ำ
gâo sîp hăa

เก้าสืบเอ็ด
gâo sîp èt

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

หนึ่งหมื่น
nèng mư̄n

หนึ่งพัน
nèng pan

หนึ่งร้อย
nèng rǔwǐ

สุนัขของฉัน
sù nǎk kǔwng chǎn

หนึ่งล้าน
nèng láan

หนึ่งแสน
nèng sǎen

รถของเรา
rót kǔwng kǎo

ชุดของเธอ
chút kǔwng tǎo

แมวของคุณ
mǎeo kǔwng kun

ทีมของพวกเขา
tiim kǔwng pǔak kun

บ้านของพวกเขา
bāan kǔwng pǔak rao

ลูกบอลของมัน
lǔuk bwǎk kǔwng man

ด้วยกัน
dǔai gan

ทุกคน
túk kon

บริษัทของพวกเขา
bò rí sàt kǔwng pǔak kǎo

ไชโย
chai yoo

ไม่เป็นไรหรอก
mǎi bpen rai rǔwǎk

อื่น ๆ
มุ่ก มุ่ก

ยินดีต้อนรับ
yin dii dtǔwǎn ráp

ฉันเห็นด้วย
chǎn hǎn dǔai

ผ่อนคลาย
pǔwǎn klaai

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

เลี้ยวซ้าย
líao sáai

เลี้ยวขวา
líao kwǎa

ไม่เป็นไร
mâi bpen rai

ไข่
kài

มากับฉัน
maa gáp chǎn

ตรงไป
dtrong bpai

ปลา
bplaa

นม
nom

ชีส
chīit

ผลไม้
pǎn lá mái

ผัก
pàk

เนื้อสัตว์
nǎa sàt

ขนมปัง
kà nǎm bpang

น้ำมัน
nám man

กระดูก
grà dǔuk

ลูกกวาด
lúuk gwàat

ช็อกโกแลต
chók goo lǎet

น้ำตาล
nám dtaan

น้ำ
náam

เครื่องดื่ม
krǔang dǔum

เค้ก
kék

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

ชา
chaa

กาแฟ
gaa fɛɛ

น้ำโซดา
náam soo daa

สลัด
sà làt

ไวน์
wai

เบียร์
bia

อาหารเช้า
aa hǎan cháao

ของหวาน
kǔwng wǎan

ซูป
súp

พิซซ่า
pís sǎa

อาหารเย็น
aa hǎan yen

อาหารกลางวัน
aa hǎan glaang wan

สถานีรถไฟ
sà tǎa nii rôt fai

รถไฟ
rôt fai

รถบัส
rôt bàt

เรือ
rya

เครื่องบิน
krǎang bin

ป้ายรถเมล์
bpǎai rôt mee

รถมอเตอร์ไซด์
rót mow dtəə sai

รถจักรยาน
rót jàk grà yaan

รถบรรทุก
rót ban túk

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

ที่จอดรถ
tīi jòot rót

ไฟจราจร
fai jà raa jooon

รถแท็กซี่
rót ték sīi

รองเท้า
rwoong táao

เสื้อผ้า
sǎa pǎa

ถนน
tà nǎn

เสื้อเชิ้ต
sǎa chǎot

เสื้อสเวตเตอร์
sǎa sà wéet dtǎo

เสื้อคลุม
sǎa klum

กางเกงขายาว
gaang geeng kǎa yaao

สูท
sūt

เสื้อแจ็กเกต
sǎa jèk gèet

ถุงเท้า
tǔng táao

เสื้อยืด
sǎa yǐt

ชุดกระโปรง
chút grà bproong

แว่นตา
wǎen dtaa

กางเกงใน
gaang geeng nai

ยกทรง
yók song

กระเป๋าเดินทาง
grà bpǎo sà dtaang

กระเป๋าเดินทางผู้หญิง
grà bpǎo sà dtaang pūu yǐng

กระเป๋าถือ
grà bpǎo tǎi

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

นาฬิกาข้อมือ
naa lí gaa kǎw mǎy

หมวก
mùak

แหวน
wǎen

ผมชื่อเดวิด
pǎm chǎy dee wít

คุณชื่ออะไร
kun chǎy à rai

กระเป๋าเสื้อหรือกางเกง
grà bpǎo sǎa rǎy gaang geeng

เป็นอะไรไหม
bpen à rai mǎi

เป็นอย่างไรบ้าง
bpen yàang rai bàang

ผมอายุ 22 ปี
pǎm aa yú 22 bpíi

ฤดูใบไม้ผลิ
rǎ duu bai mái plì

ฉันคิดถึงคุณ
chǎn kít tǎng kun

ห้องน้ำอยู่ที่ไหน
hǎwng náam yúu tǐi nǎi

ฤดูหนาว
rǎ duu nǎao

ฤดูใบไม้ร่วง
rǎ duu bai mái rǔang

ฤดูร้อน
rǎ duu rǎwng

มีนาคม
mii naa kom

กุมภาพันธ์
gum paa pan

มกราคม
mók gà raa kom

มิถุนายน
mí tù naa yon

พฤษภาคม
prút sà paa kom

เมษายน
mee sǎa yon

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

กันยายน
gan yaa yon

สิงหาคม
sǐng hǎa kom

กรกฎาคม
gà rá gà daa kom

ธันวาคม
tan waa kom

พฤศจิกายน
prút sà jì gaa yon

ตุลาคม
dtù laa kom

ตลาด
dtà làat

บิล
bin

ข้อปึง
chǎwp bpǐng

อพาร์ทเมนต์
à pǎat mén

อาคาร
aa kaan

ซูเปอร์มาร์เก็ต
suu bpəə maa gèt

โบสถ์
bòot

ฟาร์ม
faam

มหาวิทยาลัย
mǎ hǎa wít tá yaa lai

ยิม
yim

บาร์
baa

ร้านอาหาร
ráan aa hǎan

แผนที่
pǎen tǐi

ห้องน้ำ
hǎwng náam

สวนสาธารณะ
sǔan sǎa taa rá ná

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

ปิ่น

bpɛ̃n

ตำรวจ

ɗam rùat

รพยาบาล

rót pá yaa baan

ชานเมือง

chaan mɯang

ประเทศ

bprà têt

นักดับเพลิง

nák dáp plǽng

ยา

yaa

สุขภาพ

sùk kà pǎap

หมู่บ้าน

mùu bǎan

การผ่าตัด

gaan pàa dtàt

ผู้ป่วย

pùu bpùai

อุบัติเหตุ

ù bàt dtì hèt

หวัด

wàt

ไข้

kâi

ยาเม็ด

yaa mét

ไอ

ai

การนัดหมาย

gaan nát mǎai

บาดแผล

bàat plǎ̌e

ไหล่

lài

ก้น

gôn

คอ

koo

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

แขน
kǎen

ขา
kǎa

เข่า
kào

หลัง
lǎng

เต้านม
dtǎo nom

ท้อง
tǔong

ริมฝีปาก
rim fǐ bpàak

ลิ้น
lín

ฟัน
fan

กระเพาะอาหาร
grà pǔ aa hǎan

นิ้วเท้า
nú táao

นิ้วมือ
nú mǎu

เส้นประสาท
sén bprà sàat

ตับ
dtàp

ปอด
bpǔot

สี
sǐi

ลำไส้
lam sǎi

ไต
dtai

สีน้ำตาล
sǐi nám dtaan

สีเทา
sǐi tao

สีส้ม
sǐi sôm

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

หนัก
nàk

น่าเบื่อ
nâa bêu

สีชมพู
sǐi chom puu

หิว
hǐu

เหงา
ngǎo

เบา
bao

สูงชัน
sǔung chan

เศร้า
sǎo

กระหายน้ำ
grà hǎai náam

สีเหลี่ยม
sǐi liam

กลม
glom

แบน
bɛɛn

ลึก
lǐk

กว้าง
gwǎang

แคบ
kǎɛp

ทิศเหนือ
tít nǎa

ใหญ่โต
yài dtoo

ตื่น
dtǔun

ทิศตะวันตก
tít dtà wan dtòk

ทิศใต้
tít dtài

ทิศตะวันออก
tít dtà wan wòk

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

เต็ม
dtem

สะอาด
sà àat

สกปรก
sòk gà bpròk

ถูก
tùuk

แพง
pɛɛng

ว่างเปล่า
wǎang bplàao

เขັกซี่
sék sǐi

สว่าง
sà wǎang

มืด
มืๅ๓t

ใจกว้าง
jai gwǎang

กล้าหาญ
glǎa hǎan

ขี้เกียจ
kǐi giat

ทึๅ๓ม
tǐm

น่าเกลียด
nǎa gliat

หล่อ
lǎw

ตาบอด
dtaa bòwt

มีความผิด
mii kwaam pìt

เป็นมิตร
bpen mít

แห้ง
hǎɛng

เปียก
bpiak

เมา
mao

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

เจียบ
ngiap

ตั้ง
dang

อบอุ่น
òp ùn

ห้องอาบน้ำ
hǒng àap náam

ห้องครัว
hǒng krua

เจียบสงบ
ngiap sà ngòp

สวน
sǔan

ห้องนอน
hǒng nawn

ห้องนั่งเล่น
hǒng nang lén

ชั้นใต้ดิน
chán dtái din

ผนัง
pà nǎng

โรงรถ
roong rót

หลังคา
lǎng kaa

บันได
ban dai

ห้องน้ำ
hǒng náam

ถ้วย
túai

มีด
mīit

หน้าต่าง
nǎa dtàang

ถ้วย
túai

จาน
jaan

แก้ว
gǎeo

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

ชุดทีวี
chút tii wii

ชาวม
chaam

ถังขยะ
tǎng kà yà

กระจก
grà jòk

เตียง
dtiang

โต๊ะทำงาน
dtó tam ngaan

รูปภาพ
rûup pǎap

โซฟา
soo faa

ผักบัว
fàk bua

เก้าอี้
gāo ii

โต๊ะ
dtó

นาฬิกา
naa lí gaa

เพื่อนบ้าน
pǎan bāan

กระดิ่ง
grà dīng

สรวายน้ำ
sà wǎai náam

ยিং
ying

เลือก
lǎak

ล้มเหลว
lóm lǎeo

ป้องกัน
bpwǎng gan

ล้มลง
lóm long

ลงคะแนนเสียง
long ká nɛɛn sǎang

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

เผา
pǎo

ขโมย
kà mooi

โจมตี
joom dtii

บิน
bin

สุบบุหรี
sùup bù rii

ช่วยชีวิต
chúai chii wít

เตะ
dtè

ถ่มน้ำลาย
tòm náam laai

หิ้ว
híu

ดม
dom

หายใจ
hǎai jai

กัด
gát

ยิ้ม
yím

ร้องเพลง
róong pleeng

ร้องไห้
róong hǎi

หุด
hòt

เติบโต
dtèəp dtoo

หัวเราะ
hǎa ró

แบ่งปัน
bèng bpan

ข่มขู่
kòm kùu

โต้เถียง
dtòo tiang

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

เตือน
dtuan

ชวน
sǎwɔn

ให้อาหาร
hâi aa hǎan

กลิ้ง
glíng

กระโดด
grà dòot

ว่ายนํ้า
wǎai náam

ถ่ายสำเนา
tài sǎm nao

ชุด
kùt

ยก
yók

ฝึกฝน
fìk fǎn

มองหา
mɔwng hǎa

ส่งมอบ
sòng mǔwɔp

อาบน้ำ
àap náam

ทาสี
taa sǐi

เดินทาง
dǎan taang

ล้าง
láang

ลืดอก
lók

เปิด
bpǎet

หนังสือ
nǎng sǎn

ทำอาหาร
tam aa hǎan

อธิษฐาน
à tít tǎan

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

การสอบ
gaan sòwp

การบ้าน
gaan bân

ห้องสมุด
hǒwng sà mùt

ประวัติศาสตร์
bprà wàt sàat

วิทยาศาสตร์
wít tá yaa sàat

บทเรียน
bòt rian

ภาษาฝรั่งเศส
paa sǎa fà ràng sèt

ภาษาอังกฤษ
paa sǎa ang grìt

ศิลปะ
sǐn lá bpà

สามเปอร์เซ็นต์
sǎam bpəə sen

ดินสอ
din sǎw

ปากกา
bpàak gaa

ที่สาม
tǐi sǎam

ที่สอง
tǐi sǎwng

ที่หนึ่ง
tǐi nǎng

สี่เหลี่ยมจัตุรัส
sìi làa mót dtù rát

ผลลัพธ์
pǒn láp

ที่สี่
tǐi sìi

วิจัย
wí jai

พื้นที่
páxn tǐi

วงกลม
wong glom

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

ปริญญาโท
bpà rin yaa too

ปริญญาตรี
bpà rin yaa dtii

ปริญญา
bpà rin yaa

ความเครียด
kwaam kríat

x มากกว่า y
x mâak gwàa y

x น้อยกว่า y
x nǒwǐ gwàa y

แผนก
pà nèek

เจ้าหน้าที่
jào nǎa tǐi

ประกันภัย
bprà gan pai

จดหมาย
jòt mǎai

ที่อยู่
tǐi yǔu

เงินเดือน
ngon dnan

นักบิน
nák bin

นักสืบ
nák sǐu

กัปตัน
gàp dtan

ทนายความ
tá naai kwaam

ครู
kruu

ศาสตราจารย์
sàat sà dtraa jaan

ผู้พิพากษา
pǔu pí pāk sǎa

ผู้ช่วย
pǔu chǔai

เลขานุการ
lee kǎa nú gaan

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

พ่อครัว
pǎw krua

ผู้จัดการ
pǔn jàt gaan

ผู้อำนวยการ
pǔn am nuai gaan

อาชญากร
àat chá yaa gwon

คนขับรถบัส
kon kàp rôt bàt

คนขับแท็กซี่
kon kàp tǎk sǐi

หมายเลขโทรศัพท์
mǎai léek too rá sàp

ศิลปิน
sǐ lá bpín

นางแบบ
naang bàep

แชท
chǎet

แอป
ǎep

สัญญาณ
sǎn yaan

ที่อยู่อีเมล
tǐi yǔn ii meen

ยูอาร์แอล
yuu aa ɛɛn

ไฟล์
fai

โทรศัพท์มือถือ
too rá sàp mǎn tǎn

อีเมล
ii meen

เว็บไซต์
wép sai

หลักฐาน
làk tǎan

คุก
kúk

กฎหมาย
gòt mǎai

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

ศาล
sǎan

พยาน
pá yaan

ค่าปรับ
káa bpràp

กำไร
gam rai

ขาดทุน
kàat tun

ลายเซ็น
laai sen

บัตรเครดิต
bàt kree dit

จำนวนเงิน
jam nuan ngəən

ลูกค้า
lûuk káa

สรว่ายน้ำ
sà wǎai náam

ตู้เอทีเอ็ม
dtûu ee tii em

รหัสผ่าน
rá hàt pàan

วิทยุ
wít tá yú

กล้องถ่ายรูป
glǎwng tàai rúp

ไฟฟ้า
fai fáa

ถุง
túng

ขวด
kùat

ของขวัญ
kwǎng kwǎn

เตวดา
tee wá daa

ตุ๊กตา
dtúk gà dtaa

กัญแจ
gun jɛɛ

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

แปรงสีฟัน
bpræng sǐi fan

ยาสีฟัน
yaa sǐi fan

หวี
wǐi

ทิชชู
tít chǐu

ครีม
kriim

แชมพูสระผม
cheem pǔut rá pǔm

โรงพยาบาล
roong pǎap pá yon

โทรศัพท์
too rá tát

ลิปสติก
líp sà dtík

ตัว
dtǔa

ที่นั่ง
tǐi nǎng

ข้าว
kàao

เวทีย
wee tii

ดนตรี
don dtii

จอภาพยนตร์
joo pǎap yon

เรื่องตลก
rǎang dtà lòk

จิตรกรรม
jít dtà gam

ผู้ชม
pǔu chom

นิตยสาร
nít dtà yá sǎan

หนังสือพิมพ์
nǎng sǎn pim

บทความ
bòt kwaam

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

เถ่าถ่าน
tão tàan

ธรรมชาติ
tam má cháat

โฆษณา
kóot sà naa

ดวงจันทร์
duang jan

เพชร
pét

ไฟ
fai

ดาว
daao

ดวงอาทิตย์
duang aa tít

โลก
lôok

ชายฝั่ง
chaai fàng

จักรวาล
jàk grà waan

ดาวเคราะห์
daao kró

ทะเลทราย
tá lee saai

ป่า
bpàa

ทะเลสาบ
tá lee sàap

แม่น้ำ
mǎe náam

หิน
hín

เนินเขา
nəon kǎo

เกาะ
gò

ภูเขา
puu kǎo

หุบเขา
hùp kǎo

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

สภาพอากาศ
sà pâap aa gàat

ทะเล
tá lee

มหาสมุทร
má hǎa sà mùt

พายู
paa yú

หิมะ
hì má

น้ำแข็ง
nám kǎng

พืช
pút

ลม
lom

ฝน
fǎn

ดอกกุหลาบ
dòok gù làap

หย้า
yâa

ต้นไม้
dtôn mái

โลหะ
loo hà

ก๊าซ
gáas

ดอกไม้
dòok mái

เงินถูกกว่าทองคำ
ngəən tùuk gwàa tɔɔng kam

ธาตุเงิน
taa dtù ngəən

ทอง
tɔɔng

สมาชิก
sà maa chík

วันหยุด
wan yùt

ทองคำมีราคาแพงกว่าเงิน
tɔɔng kam mii raa kaa pɛəng gwàa
ngəən

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

แขก
kèək

ชายหาด
chaai hàat

โรงแรม
roong rɛɛm

ปีใหม่
bpìi mài

คริสต์มาส
krít màat

วันเกิด
wan gòət

ป่า/น้ำ
bpàa/náa

ลุง/อา
lung/aa

อีสเตอร์
ìit dtəə

ยาย
yaai

ปู่
bpùu

ย่า
yâa

หลุมฝังศพ
lǔm fǎng sòp

ความตาย
kwaam dtaai

ตา
dtaa

เจ้าบ่าว
jào bàao

เจ้าสาว
jào sǎao

การหย่าร้าง
gaan yàa ráang

หนึ่งร้อยสิบ
nèng rǔai sip

หนึ่งร้อยห้า
nèng rǔai hǎa

หนึ่งร้อยหนึ่ง
nèng rǔai nèng

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

สองร้อยสอง
rǎwng rǎw rǎwng

สองร้อย
rǎwng rǎw

หนึ่งร้อยห้าสิบเอ็ด
nǎng rǎw hǎa sǐp èt

สองร้อยหกสิบสอง
rǎwng rǎw hòk sǐp rǎwng

สองร้อยยี่สิบ
rǎwng rǎw yǐi sǐp

สองร้อยหก
rǎwng rǎw hòk

สามร้อยเจ็ด
sǎam rǎw jèt

สามร้อยสาม
sǎam rǎw sǎam

สามร้อย
sǎam rǎw

สี่ร้อย
sǐi rǎw

สามร้อยเจ็ดสิบสาม
sǎam rǎw jèt sǐp sǎam

สามร้อยสามสิบ
sǎam rǎw sǎam sǐp

สี่ร้อยสี่สิบ
sǐi rǎw sǐi sǐp

สี่ร้อยแปด
sǐi rǎw bpèet

สี่ร้อยสี่
sǐi rǎw sǐi

ห้าร้อยห้า
hǎa rǎw hǎa

ห้าร้อย
hǎa rǎw

สี่ร้อยแปดสิบสี่
sǐi rǎw bpèet sǐp sǐi

ห้าร้อยเก้าสิบห้า
hǎa rǎw gǎo sǐp hǎa

ห้าร้อยห้าสิบ
hǎa rǎw hǎa sǐp

ห้าร้อยเก้า
hǎa rǎw gǎo

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

หกร้อยหก
hòk rǎwì hòk

หกร้อยหนึ่ง
hòk rǎwì nǎng

หกร้อย
hòk rǎwì

เจ็ดร้อย
jèt rǎwì

หกร้อยหกสิบ
hòk rǎwì hòk sìp

หกร้อยสิบหก
hòk rǎwì sìp hòk

เจ็ดร้อยยี่สิบเจ็ด
jèt rǎwì yí sìp jèt

เจ็ดร้อยเจ็ด
jèt rǎwì jèt

เจ็ดร้อยสอง
jèt rǎwì sǎwng

แปดร้อยสาม
bpèet rǎwì sǎam

แปดร้อย
bpèet rǎwì

เจ็ดร้อยเจ็ดสิบ
jèt rǎwì jèt sìp

แปดร้อยแปดสิบ
bpèet rǎwì bpèet sìp

แปดร้อยสามสิบแปด
bpèet rǎwì sǎam sìp bpèet

แปดร้อยแปด
bpèet rǎwì bpèet

เก้าร้อยเก้า
gǎo rǎwì gǎo

เก้าร้อยสี่
gǎo rǎwì sì

เก้าร้อย
gǎao rǎwì

เสี้ยว
sǎa

เก้าร้อยเก้าสิบ
gǎo rǎwì gǎo sìp

เก้าร้อยสี่สิบเก้า
gǎo rǎwì sì sìp gǎo

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

กระต่าย
grà dtàai

หนูขนาดใหญ่
nùuk nâat yài

หนูขนาดเล็ก
nùuk nâat lék

ช้าง
cháang

ลา
laa

สิงโต
sǐng dtoo

นกพิราบ
nók pí râap

ไก่ตัวผู้
gài dtua pûu

นก
nók

แมลง
má lɛɛng

แมลง
má lɛɛng

ห่าน
hàan

มด
mót

แมลงวัน
má lɛɛng wan

ยุง
yung

ปลาโลมา
bplaa loo maa

ปลาฉลาม
bplaa chà lăam

ปลาวาฬ
bplaa waan

บ่อ
bòoi

กบ
gòp

หอยทาก
hǒoi tâak

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

ถึงแม้ว่า
tǔng mée wâa

ทันใดนั้น
tan dai nán

ทันที
tan tii

วิ่ง
wǐng

เทนนิส
teen nít

ยิมนาสติก
yim nâat dtik

สเกตน้ำแข็ง
sà gét nám kǐng

กอล์ฟ
gǔwɔp

บันจี้กระยาน
bpàn jàk grà yaan

ว่ายน้ำ
wâai náam

บาสเกตบอล
bàat gèet bɔɔn

ฟุตบอล
fút bɔɔn

สหราชอาณาจักร
sà hà ràat chá aa naa jàk

การเดินป่า
gaan dǎon bpàa

การดำน้ำ
gaan dam náam

อิตาลี
ì dtaa lii

สวิตเซอร์แลนด์
sà wít sǎɔ lɛɛn

สเปน
sà bpeen

ไทย
tai

เยอรมนี
yǎɔ rá má nii

ฝรั่งเศส
fà ràng sèet

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

ญี่ปุ่น
yīi bpùn

รัสเซีย
rát sia

สิงคโปร์
sǐng ká bpoo

จีน
jiin

อินเดีย
in dia

อิสราเอล
ìt sà raa een

แคนาดา
kɛɛ naa daa

เม็กซิโก
mék sí goo

สหรัฐอเมริกา
sà hà rát à mee rí gaa

อาร์เจนตินา
aa jeen dtì naa

บราซิล
braa sin

ชิลี
chí līi

โมร็อกโก
moo rók goo

ไนจีเรีย
nai jīi ria

แอฟริกาใต้
èɛf rí gaa dtàai

แอลจีเรีย
ɛɛn jīi ria

เคนยา
keen yaa

ลิเบีย
lí bia

ออสเตรเลีย
vòt dtree lia

นิวซีแลนด์
niu sīi lɛɛn

ฮิยิปต์
īi yíp

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

เอเชีย
ee chia

ยุโรป
yú ròop

แอฟริกา
èef rí gaa

ครึ่งชั่วโมง
krêng chũa moong

สิบห้านาที
sìp hũa naa tii

อเมริกา
à mee rí gaa

สองนาฬิกาห้านาที
sǔwng naa lí gaa hũa naa tii

หนึ่งนาฬิกา
nèng naa lí gaa

สี่สิบห้านาที
sì sìp hũa naa tii

ห้านาฬิกาสิบห้านาที
hũa naa lí gaa yí sìp naa tii

สี่นาฬิกาสิบห้านาที
sì naa lí gaa sìp hũa naa tii

สามนาฬิกาสิบห้านาที
sǎam naa lí gaa sìp naa tii

แปดนาฬิกาสามสิบห้านาที
bpèet naa lí gaa sǎam sìp hũa naa tii

เจ็ดนาฬิกาสามสิบห้านาที
jèt naa lí gaa sǎam sìp naa tii

ทศนาฬิกาสิบห้านาที
hòk naa lí gaa yí sìp hũa naa tii

สิบเอ็ดนาฬิกาห้าสิบห้านาที
sìp èt naa lí gaa hũa sìp naa tii

สิบนาฬิกาสี่สิบห้านาที
sìp naa lí gaa sì sìp hũa naa tii

เก้านาฬิกาสี่สิบห้านาที
gǎo naa lí gaa sì sìp naa tii

บ่ายสองโมง
bàai sǔwng moong

ตีหนึ่ง
dtii nèng

สิบสองนาฬิกาห้าสิบห้านาที
sìp sǔwng naa lí gaa hũa sìp hũa naa tii

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

สัปดาห์หน้า
sàp daa nâa

สัปดาห์นี้
sàp daa níi

สัปดาห์ที่แล้ว
sàp daa tîi léəo

ปีหน้า
bpîi nâa

ปีนี้
bpîi níi

ปีที่แล้ว
bpîi tîi léəo

เดือนหน้า
dɛuan nâa

เดือนนี้
dɛuan níi

เดือนที่แล้ว
dɛuan tîi léəo

วันที่สิบสอง เดือนเมษายน ปีหนึ่งพันเก้าร้อยแปด
สิบแปด
wan tîi sîp sǎwng dɛuan mee sǎa yon
bpîi nǝng pan gǎo rǎwí bpɛ̀et sîp
bpɛ̀et

วันที่ยี่สิบห้า เดือนกุมภาพันธ์ ปีสองพันสาม
wan tîi yîi sîp hǎa dɛuan gum paa pan
bpîi sǎwng pan sǎam

วันที่หนึ่ง เดือนมกราคม ปีสองพันสิบสี่
wan tîi nǝng dɛuan mók raa kom bpîit
ong pan sîp sîi

วันที่สิบสอง เดือนธันวาคม ปีสองพัน
wan tîi sîp sǎwng dɛuan tan waa kom
bpîit ong pan

วันที่สามสิบ เดือนกันยายน ปีหนึ่งพันเก้าร้อยเจ็ด
wan tîi sǎam sîp dɛuan gan yaa yon
bpîi nǝng pan gǎo rǎwí jèt

วันที่สิบสาม เดือนตุลาคม ปีหนึ่งพันแปดร้อยเก้าสิบ
เก้า
wan tîi sîp sǎam dɛuan dtù laa kom
bpîi nǝng pan bpɛ̀et rǎwí gǎo sîp gǎo

กาง
kaang

วีรร้อย
ríu rǎwí

หน้าผาก
nǎa pàak

ขนตา
kǎn dtaa

เครา
krao

แก้ม
gǎəm

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

ต้นคอ
dtôn koo

เอว
eeo

คิ้ว
kíu

นิ้วก้อย
níu gúvái

นิ้วหัวแม่มือ
níu hǎa mǎe mǎe

หน้าอก
nláa òk

นิ้วชี้
níu chíi

นิ้วกลาง
níu glaang

นิ้วนาง
níu naang

สันเท้า
sôn táao

เล็บมือ
lép mǎe

ข้อมือ
kǎu mǎe

กระดูก
grà dùuk

กล้ามเนื้อ
gláam nǎa

กระดูกสันหลัง
grà dùuk sǎn lǎng

กระดูกสันหลัง
grà dùuk sǎn lǎng

กระดูกซี่โครง
grà dùuk sǐi kroong

โครงกระดูก
kroong grà dùuk

หลอดเลือดแดง
lòt lǎat deeng

หลอดเลือดดำ
lòt lǎat dam

กระเพาะปัสสาวะ
grà pǎt sǎa wá

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

องคชาต
ong ká chàat

อสุจิ
à sù jì

ช่องคลอด
chǎwng klǎwt

เฝ็ด
pèt

น้ำ
chàm

ลูกอันทะ
lúuk an tá

ดัม
dtôm

ดิบ
dìp

เค็ม
kem

เข้มงวด
kêm nguát

โลภมาก
lôop mâak

ขี้อาย
kǐi aai

หูหนวก
hǔu nùak